

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO

(Ban hành tại Quyết định số 1864 /QĐ-ĐHM, ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Hiệu trưởng  
Trường Đại Học Mở Thành phố Hồ Chí Minh)

**Tên chương trình** : Marketing

**Trình độ đào tạo** : Đại học

**Ngành đào tạo** : Quản trị kinh doanh **Mã số:** 52340101

**Loại hình đào tạo** : Chính quy tập trung

### 1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

#### 1.1. Mục tiêu chung:

Mục tiêu của chương trình đào tạo cử nhân chất lượng cao ngành Quản trị Kinh doanh., chuyên ngành Marketing là nhằm phát hiện và đào tạo những sinh viên giỏi thông qua việc ưu tiên đầu tư điều kiện giảng dạy, học tập tốt, đội ngũ giảng viên giỏi và áp dụng phương pháp dạy - học hiện đại để đạt chuẩn chất lượng của các đại học tiên tiến trong khu vực. Sinh viên tốt nghiệp đáp ứng các yêu cầu:

- Có kiến thức chuyên môn giỏi về Marketing; có năng lực sáng tạo trong thực hiện công việc có liên quan trong hoạt động kinh doanh quốc tế;
- Có khả năng sử dụng tiếng Anh lưu loát trong giao tiếp với các đồng nghiệp nước ngoài về chuyên môn và những vấn đề xã hội thông thường.
- Có khả năng sử dụng thành thạo công cụ tin học và khả năng tiếp thu nhanh những công nghệ thông tin mới để phục vụ công tác chuyên môn.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể:

Chương trình này được thiết kế nhằm đào tạo Cử nhân Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Marketing. Học xong chương trình này, sinh viên được cấp bằng và trở thành cử nhân, có kiến thức chuyên môn vững vàng, có phẩm chất chính trị tốt, có khả năng ngoại ngữ thành thạo và có kỹ năng phù hợp làm việc ở các vị trí chuyên viên trong các doanh nghiệp trong và ngoài nước có qui mô và lĩnh vực khác nhau như sản xuất, thương mại, dịch vụ, truyền thông, giáo dục, y tế, v.v... hoặc là cán bộ tham mưu marketing vùng cho các cơ quan hoạch định

chính sách phát triển cho địa phương. Ngoài ra, họ có thể trở thành doanh nhân, nhà quản lý của doanh nghiệp riêng của họ sau một thời gian tích lũy kinh nghiệm từ thực tế.

Các mục tiêu cụ thể như sau:

- Về kiến thức: cung cấp cho sinh viên kiến thức rộng về hoạt động của nền kinh tế thị trường nói chung và chuyên sâu về hoạt động marketing của một công ty nói riêng. Các kiến thức chung về quản trị trong một doanh nghiệp như nguyên lý marketing, nguyên lý kế toán, giao tiếp trong kinh doanh, thống kê ứng dụng trong kinh doanh, quản trị học, quản trị chiến lược, quản trị nguồn nhân lực, quản trị tài chính, quản trị marketing, và hành vi khách hàng. Các kiến thức liên quan đến việc ứng dụng chuyên sâu marketing trong doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường như quản trị thương hiệu, thương mại điện tử, nghiên cứu marketing, marketing quốc tế, truyền thông marketing tích hợp, quản trị quan hệ khách hàng, quảng cáo và khuyến mãi, quan hệ công chúng, quản trị kênh phân phối và chiến lược định giá.
- Về kỹ năng: trang bị cho sinh viên các kỹ năng tác nghiệp marketing để hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn được giao.
- Về thái độ: giáo dục cho sinh viên có thái độ làm việc đúng mực, có phẩm chất tốt, coi trọng đạo đức nghề nghiệp, quan tâm đến lợi ích cộng đồng, trong đó có lợi ích chính đáng của cá nhân.
- Về trình độ ngoại ngữ: nâng cao khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh của sinh viên nhằm hội nhập thị trường lao động với quốc tế và khu vực.
- Về trình độ tin học: trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng sử dụng thành thạo máy vi tính với các phần mềm thông dụng như Microsoft Office và đủ trình độ tin học có thể tiếp thu nhanh các công nghệ thông tin mới ứng dụng trong công việc chuyên môn nghiệp vụ của một chuyên viên.

## **2. Chuẩn đầu ra**

### **2.1. Kiến thức**

#### *2.1.1. Kiến thức chuyên môn*

Chương trình này trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn về các hoạt động marketing của công ty. Học xong chương trình này, sinh viên có những kiến thức chuyên môn để xử lý và thực hiện những nghiệp vụ sau đây:

- Có kiến thức chuyên môn về quản trị marketing có thể vận dụng các phương pháp nghiên cứu, phân tích để đánh giá tác động của môi trường đến chiến lược marketing của doanh nghiệp.

- Có kiến thức chuyên môn về phân tích dự đoán những khuynh hướng thay đổi của thị trường, xu hướng tiêu dùng của các loại khách hàng khác nhau trên thị trường.
- Có kiến thức chuyên môn về hoạch định các chiến lược marketing, các kế hoạch marketing ngắn hạn và trung hạn.
- Có kiến thức chuyên môn sâu về các nghiệp vụ quảng cáo, khuyến mãi, tổ chức sự kiện và bán hàng cá nhân.

## **2.2. Kỹ năng**

### *2.2.1. Kỹ năng chuyên môn (Kỹ năng cứng)*

Học xong chương trình này, ngoài kiến thức như mô tả ở mục trước, sinh viên còn có đầy đủ các kỹ năng chuyên môn, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng xử lý tình huống và kỹ năng giải quyết vấn đề gặp phải trong công việc hàng ngày.

- Về chuyên môn: Sinh viên có kỹ năng tổng hợp và phân tích thông tin, hoạch định, tổ chức, thực hiện, giám sát công việc liên quan đến marketing trên thị trường trong nước và quốc tế.
- Về thực hành nghề nghiệp: Sinh viên có thể trở thành chuyên viên marketing có khả năng tham gia thiết lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động marketing trong bối cảnh hội nhập toàn cầu; là chuyên viên trong các bộ phận chức năng: quảng cáo, khuyến mãi, quan hệ công chúng, bán hàng cá nhân, quan hệ khách hàng, kênh phân phối. Cụ thể sinh viên tốt nghiệp có năng lực:
  - thu thập thông tin, phân tích và đánh giá hoạt động marketing hiện tại của doanh nghiệp/ tổ chức.
  - tham gia tổ chức các dự án nghiên cứu thị trường, các chiến dịch marketing như quảng cáo, khuyến mãi, quan hệ công chúng, bán hàng cá nhân, tại các doanh nghiệp/ tổ chức.
  - tham gia xây dựng, phát triển và quản lý thương hiệu một sản phẩm/dịch vụ.
  - tham gia vào công việc xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện chiến lược marketing, tổ chức đội ngũ marketing, kiểm soát và đánh giá kết quả thực hiện.
  - tham gia thiết lập dự án kênh phân phối, quản lý, giám sát và đánh giá hiệu quả của kênh.

### *2.2.2 Kỹ năng nghề nghiệp và tương tác (Kỹ năng mềm)*

Sinh viên tốt nghiệp còn có các kỹ năng mềm hỗ trợ cho các hoạt động chuyên môn được đào tạo, bao gồm các kỹ năng dẫn dắt và chủ trì làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập, kỹ năng đàm phán và thuyết trình, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng lập kế hoạch và triển khai công việc, kỹ năng hội nhập, kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong môi trường đa văn hóa

và các khả năng tin học thành thạo, khả năng tiếp thu được công nghệ thông tin mới để ứng dụng trong phạm vi yêu cầu của vị trí chức vụ được phân công.

Về xử lý tình huống và giải quyết vấn đề: Sinh viên tốt nghiệp có kỹ năng phân tích, đánh giá, xử lý và giải quyết vấn đề chuyên môn hoặc vấn đề nghiệp vụ phát sinh trong công việc hàng ngày mà một chuyên viên thường gặp phải.

### **2.3. Thái độ**

Bên cạnh việc đào tạo và cung cấp kiến thức cũng như rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, chương trình đào tạo này còn chú ý đến rèn luyện thái độ và đạo đức nghề nghiệp, các ứng xử văn hóa trong doanh nghiệp. Học xong chương trình này, sinh viên có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức nghề nghiệp và trách nhiệm công dân đối với cộng đồng, có trách nhiệm, tác phong nghề nghiệp, và thái độ phục vụ đúng mực đối với khách hàng và đối tác. Ngoài ra còn có thái độ yêu mến công việc, có khả năng cập nhật kiến thức, khả năng tự học và học tập suốt đời.

### **2.4. Trình độ ngoại ngữ, tin học:**

– Ngoại ngữ: phải đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương đương).

– Tin học: tương đương trình độ A tin học.

### **2.5. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp**

Với mục tiêu đào tạo cụ thể nêu trên, sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc cho các công ty dịch vụ, sản xuất hoặc thương mại thuộc loại hình nhà nước, cổ phần, tư nhân, liên doanh, 100% vốn nước ngoài, và các tổ chức phi lợi nhuận ở những vị trí làm việc sau:

- Chuyên viên phòng kinh doanh, phòng marketing của các công ty thuộc mọi ngành nghề.
- Chuyên viên nghiên cứu marketing tại các công ty nghiên cứu thị trường.
- Chuyên viên tổ chức sự kiện, quảng cáo & khuyến mãi tại các công ty dịch vụ marketing.
- Tự tạo lập doanh nghiệp, hoặc tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân trong môi trường hội nhập toàn cầu.
- Cán bộ nghiên cứu, giảng viên về marketing tại các viện nghiên cứu, các trường đại học/cao đẳng.

### **2.6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường**

Mục tiêu của chương trình đào tạo này không chỉ có cung cấp kiến thức và kỹ năng làm việc cho sinh viên sau khi tốt nghiệp mà còn cung cấp nền tảng kiến thức để sinh viên có thể học tập lên các bậc học cao hơn hoặc tự học suốt đời để cập nhật kiến thức và nâng cao trình độ. Sau khi hoàn tất chương trình này và có thời gian làm việc để tích lũy kinh nghiệm, sinh viên có thể tiếp tục học lên cao học và tiến sĩ ở các trường đại học trong và ngoài nước. Các

chương trình cao học có thể theo học sau này bao gồm: cao học quản trị kinh doanh, cao học marketing và bán hàng và các ngành cao học khác có liên quan đến quản trị kinh doanh.

### **2.7. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà Khoa tham khảo**

Chương trình đào tạo này được thiết kế và xây dựng dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình đào tạo của các trường đại học ở ba quốc gia tiên tiến là Mỹ, Anh và Úc, trong đó có chú ý đến hoàn cảnh và điều kiện đặc thù của Việt Nam nói chung và của trường Đại học Mở nói riêng.

**3. Thời gian đào tạo:** 4 năm

**4. Khối lượng kiến thức toàn khoá:** 135 tín chỉ (không tính GDTC & GDQP)

### **5. Đối tượng tuyển sinh**

Công dân đã có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định tại điều 5 Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 3 năm 2012 và được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2012/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 6 năm 2012, Thông tư số 03/2013/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 02 năm 2013, Thông tư số 21/2013/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 6 năm 2013, Thông tư số 24/2013/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 7 năm 2013, Thông tư số 28/2013/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2013 và Thông tư 06/2014/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

#### **6.1. Quy trình đào tạo**

Chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007, được sửa chữa, bổ sung một số điều tại Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 561/QĐ-ĐHM ngày 08 tháng 8 năm 2013 của Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh.

#### **6.2. Điều kiện tốt nghiệp**

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các điều kiện được quy định tại điều 27 Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007, được sửa chữa, bổ sung một số điều tại Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều 25 Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 561/QĐ-ĐHM ngày 08 tháng 8 năm 2013 của Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số tín chỉ môn học và khối lượng kiến thức quy định cho CTĐT mỗi khóa;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,0 trở lên;
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất.

## 7. Thang điểm

Chương trình áp dụng thang điểm 10.

## 8. Nội dung chương trình: Tổng cộng 135 tín chỉ (không tính GDTC & GDQP)

### 8.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 58 tín chỉ (không tính giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng)

#### 8.1.1 Lý luận chính trị: 10 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
1.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin – Phần 1	POLI1201	2	2	0	
2.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin – Phần 2	POLI2302	3	3	0	
3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI2201	2	2	0	
4.	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI2301	3	3	0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>10</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	

#### 8.1.2 Khoa học xã hội: 3 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
1.	Pháp luật đại cương	GLAW1201	2	2	0	
2.	Chuyên đề kỹ năng	GLAW4102	1	0	1	Đạt/ không đạt
<b>Tổng cộng</b>			<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	

#### 8.1.3 Nhân văn-Nghệ thuật: 4 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
1.	Giao tiếp trong kinh doanh	BADM1201	2	2	0	
2.	Kỹ năng học tập	EDUC1201	2	2	0	Đạt/ không đạt
<b>Tổng cộng</b>			<b>4</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	

## 8.1.4 Ngoại ngữ: 32 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
1.	Tiếng Anh nâng cao 1	GENG0405	4	4	0	
2.	Tiếng Anh nâng cao 2	GENG0406	4	4	0	
3.	Tiếng Anh nâng cao 3	GENG0407	4	4	0	
4.	Tiếng Anh nâng cao 4	GENG0408	4	4	0	
5.	Tiếng Anh nâng cao 5	GENG0409	4	4	0	
6.	Tiếng Anh nâng cao 6	GENG0410	4	4	0	
7.	Tiếng Anh nâng cao 7	GENG0411	4	4	0	
8.	Tiếng Anh nâng cao 8	GENG0412	4	4	0	
<b>Tổng cộng</b>		<b>Tổng cộng</b>	<b>32</b>	<b>32</b>	<b>0</b>	

## 8.1.5 Toán - Tin học: 9 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
1.	Toán cao cấp	MATH1301	3	3	0	
2.	Thông kê ứng dụng trong kinh doanh	BADM2302	3	3	0	
3.	Tin học đại cương	COMP1401	3	3	0	
<b>Tổng cộng</b>		<b>Tổng cộng</b>	<b>9</b>	<b>9</b>	<b>0</b>	

## 8.1.6 Giáo dục thể chất: 5 tín chỉ (không tính vào CTĐT)

## 8.1.7 Giáo dục quốc phòng- an ninh: 7 tín chỉ (không tính vào CTĐT)

## 8.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 77 tín chỉ (tính luôn học phần tốt nghiệp và kiến tập)

## 8.1.1 Kiến thức cơ sở (của khối ngành, nhóm ngành và ngành): 12 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
1.	Kinh tế vi mô (*)	ECON1301	3	3	0	
2.	Kinh tế vĩ mô	ECON1302	3	3	0	
3.	Marketing căn bản (*)	BADM2301	3	3	0	
4.	Quản trị học	BADM1301	3	3	0	
<b>Tổng cộng</b>		<b>Tổng cộng</b>	<b>12</b>	<b>12</b>	<b>0</b>	

## 8.1.2 Kiến thức ngành chính: 18 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	

1.	Quản trị nhân lực	BADM2303	3	3	0	
2.	Quản trị tài chính (*)	FINA4306	3	3	0	
3.	Quản trị chiến lược	BADM4301	3	3	0	
4.	Quản trị marketing	BADM2304	3	3	0	
5.	Quản trị thương hiệu	BADM3304	3	3	0	
6.	Quản trị dự án	BADM4312	3	3	0	
<b>Tổng cộng</b>		<b>Tổng cộng</b>	<b>18</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	

8.1.2.1 Kiến thức chung của ngành chính (bắt buộc phải có): 6 TC

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
1.	Nguyên lý kế toán	ACCO2301	3	3	0	
2.	Phân tích định lượng trong quản trị	BADM2305	3	3	0	
<b>Tổng cộng</b>		<b>Tổng cộng</b>	<b>6</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	

8.1.2.2 Kiến thức chuyên sâu của ngành chính: 21 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
Bắt buộc						
1.	Hành vi khách hàng	BADM3301	3	3	0	
2.	Truyền thông marketing tích hợp (*)	BADM4302	3	3	0	
3.	Nghiên cứu marketing	BADM4304	3	3	0	
4.	Quản trị quan hệ khách hàng	BADM3325	3	3	0	
5.	Marketing quốc tế (*)	BADM3302	3	3	0	
6.	Marketing dịch vụ	BADM4310	3	3	0	
7.	Chiến lược marketing	BADM4309	3	3	0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>21</b>	<b>21</b>	<b>0</b>	
Tự chọn: <i>Chọn 3 trong số các môn sau đây</i>						
1.	Quan hệ công chúng (*)	BADM3305	3	3	0	
2.	Thương mại điện tử (*)	BADM3306	3	3	0	
3.	Quản trị bán hàng	BADM4303	3	3	0	
4.	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	BADM4320	3	3	0	
5.	Chiến lược và chính sách giá	BADM4318	3	3	0	
6.	Quản trị kênh phân phối	BADM3335	3	3	0	
7.	Quảng cáo và khuyến mãi	BADM3331	3	3	0	
8.	Luật kinh doanh	GLAW3302	3	3	0	



9.	Lập kế hoạch kinh doanh	BADM3324	3	3	0	
<b>Tổng cộng</b>		<b>Tổng cộng</b>	<b>9</b>	<b>9</b>	<b>0</b>	

Ghi chú: (\*) Các môn học dự kiến tổ chức học bằng tiếng Anh. Tổng số tín chỉ theo quy định của đào tạo chất lượng cao.

### 8.2.3 Thực tập tốt nghiệp và làm khoá luận (hoặc học môn thay thế): 11 TC

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
Bắt buộc						
1.	Kiến tập	GLAW4101	1	0	1	
2.	Thực tập tốt nghiệp	BADM4499	4	0	4	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>5</b>	<b>0</b>	<b>5</b>	
Tự chọn: Chọn khóa luận tốt nghiệp hoặc học 2 môn thay thế						
1.	Khóa luận tốt nghiệp	BADM4699	6	0	6	
2.	Học 2 môn trong phần kiến thức chuyên ngành chọn		6	6	0	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>11</b>	<b>6</b>	<b>5</b>	

## 9 Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

### HỌC KỲ 1

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Kỹ năng học tập	EDUC1201	2	2	0
2.	Toán cao cấp	MATH1301	3	3	0
3.	Pháp luật đại cương	GLAW1201	2	2	0
4.	Tin học đại cương	COMP1401	3	3	0
5.	Giáo dục thể chất 1	PEDU1201	2	2	0
<b>Cộng</b>			<b>10</b>	<b>10</b>	<b>0</b>

### HỌC KỲ 2

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Tiếng Anh nâng cao 1	GENG0405	4	4	0
2.	Thông kê ứng dụng trong kinh doanh	BADM2302	3	3	0
3.	Kinh tế vi mô	ECON1301	3	3	0
4.	Giao tiếp trong kinh doanh	BADM1201	2	2	0
5.	Giáo dục thể chất 2	PEDU1302	3	3	0
<b>Cộng</b>			<b>12</b>	<b>12</b>	<b>0</b>

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Quản trị kinh doanh CLC

**HỌC KỲ 3**

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Tiếng Anh nâng cao 2	GENG0406	4	4	0
2.	Kinh tế vĩ mô	ECON1302	3	3	0
3.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin P.1	POLI1201	2	2	0
4.	Giáo dục quốc phòng	DEDU1801			
<b>Cộng</b>			<b>9</b>	<b>9</b>	

**HỌC KỲ 4**

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Tiếng Anh nâng cao 3	GENG0407	4	4	0
2.	Phân tích định lượng trong quản trị	BADM2305	3	3	0
3.	Quản trị học	BADM1301	3	3	0
4.	Marketing căn bản	BADM2301	3	3	0
5.	Nguyên lý kế toán	ACCO2301	3	3	0
<b>Cộng</b>			<b>16</b>	<b>16</b>	<b>0</b>

**HỌC KỲ 5**

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Tiếng Anh nâng cao 4	GENG0408	4	4	0
2.	Quản trị Marketing	BADM2304	3	3	0
3.	Quản trị nhân lực	BADM2303	3	3	0
4.	Những NLCB của chủ nghĩa Mác - Lênin P.2	POLI2302	3	3	0
5.	Hành vi khách hàng	BADM3301	3	3	0
<b>Cộng</b>			<b>16</b>	<b>16</b>	<b>0</b>

**HỌC KỲ 6**

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Tiếng Anh nâng cao 5	GENG0409	4	4	0
2.	Quản trị dự án	BADM4312	3	3	0

3.	Marketing quốc tế	BADM3302	3	3	0
4.	Nghiên cứu marketing	BADM4304	3	3	0
<b>Cộng</b>			<b>13</b>	<b>13</b>	<b>0</b>

### HỌC KỲ 7

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Tiếng Anh nâng cao 6	GENG0410	4	4	0
2.	Quản trị tài chính	FINA4306	3	3	0
3.	Quản trị thương hiệu	BADM3304	3	3	0
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI2201	2	2	0
5.	Quản trị chiến lược	BADM4301	3	3	0
6.	Chuyên đề kỹ năng	GLAW4101	1	0	1
<b>Cộng</b>			<b>16</b>	<b>15</b>	<b>1</b>

### HỌC KỲ 8

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Tiếng Anh nâng cao 7	GENG0411	4	4	0
2.	Môn chọn 1	BADM4302	3	3	0
3.	Quản trị quan hệ khách hàng	BADM3325	3	3	0
4.	Marketing dịch vụ	BADM4310	3	3	0
5.	TT Marketing tích hợp	BADM 4302	3	3	0
6.	Kiến tập	GLAW4101	1	0	1
<b>Cộng</b>			<b>17</b>	<b>16</b>	<b>1</b>

### HỌC KỲ 9

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Tiếng Anh nâng cao 8	GENG0412	4	4	0
2.	Chiến lược marketing	BADM4309	3	3	0
3.	Môn chọn 2		3	3	0
4.	Môn chọn 3		3	3	0
5.	Đường lối Đường lối CM của Đảng CSVN	POLI2301	3	3	0
<b>Cộng</b>			<b>16</b>	<b>16</b>	<b>0</b>

**HỌC KỲ 10**

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Thực tập tốt nghiệp	BADM4409	4	0	4
<b>Cộng</b>			<b>4</b>	<b>0</b>	<b>4</b>

**HỌC KỲ 11**

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Khóa luận TN/ học 2 môn thay thế	BADM4699	6	6	0
<b>Cộng</b>			<b>6</b>	<b>6</b>	<b>0</b>

**10 Hướng dẫn thực hiện chương trình**

- Căn cứ lộ trình các môn học và Quy chế tổ chức, quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ, sinh viên đăng ký môn học theo từng học kỳ (Quy trình đăng ký môn học) dưới sự hướng dẫn của Cố vấn học tập.
- Các môn GDTC, GDQP và các môn học chung toàn trường được tổ chức học theo kế hoạch chung của Phòng Quản lý đào tạo.
- Môn học được tiến hành theo Đề cương môn học đã được phê duyệt và phải được cung cấp cho sinh viên trước khi giảng dạy.
- Điều kiện được nhận khóa luận tốt nghiệp:  
Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình  
Điểm trung bình tích lũy: Từ 7,5 trở lên  
Điểm thực tập tốt nghiệp: Từ 8,0 trở lên và phải được sự đồng ý của giáo viên hướng dẫn.

**11 Đề cương chi tiết môn học**

Toàn bộ đề cương chi tiết các môn học trong chương trình đào tạo được trình bày trong Phụ lục số 1 đính kèm.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Phúc**

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO

(Ban hành tại Quyết định số 1864 /QĐ-ĐHM, ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại Học Mở Thành phố Hồ Chí Minh)

**Tên chương trình đào tạo : Kinh doanh quốc tế**

**Trình độ đào tạo** : Đại học

**Ngành đào tạo** : Quản trị kinh doanh **Mã số:** 52340101

**Loại hình đào tạo** : Chính quy tập trung

### 1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

#### 1.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của chương trình đào tạo cử nhân chất lượng cao ngành Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành Kinh doanh Quốc tế là nhằm phát hiện và đào tạo những sinh viên giỏi thông qua việc ưu tiên đầu tư điều kiện giảng dạy, học tập tốt, đội ngũ giảng viên giỏi và áp dụng phương pháp dạy - học hiện đại để đạt chuẩn chất lượng của các đại học tiên tiến trong khu vực. Sinh viên tốt nghiệp đáp ứng các yêu cầu:

- Có kiến thức chuyên môn giỏi về Kinh doanh Quốc tế; có năng lực sáng tạo trong thực hiện công việc có liên quan trong hoạt động kinh doanh quốc tế;
- Có khả năng sử dụng tiếng Anh lưu loát trong giao tiếp với các đồng nghiệp nước ngoài về chuyên môn và những vấn đề xã hội thông thường.
- Có khả năng sử dụng thành thạo công cụ tin học và khả năng tiếp thu nhanh những công nghệ thông tin mới để phục vụ công tác chuyên môn.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình này được thiết kế nhằm đào tạo Cử nhân chất lượng cao ngành Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành Kinh doanh Quốc tế. Học xong chương trình này, sinh viên được cấp bằng và trở thành cử nhân, có kiến thức chuyên môn vững vàng, có phẩm chất chính trị tốt, có khả năng ngoại ngữ thành thạo và có kỹ năng phù hợp làm việc ở các vị trí nhân viên trong các công ty đa quốc gia, các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam, các công ty cổ phần, các doanh nghiệp tư nhân và trách nhiệm hữu hạn có chức năng xuất nhập khẩu, vận tải và giao nhận quốc tế, các tổ chức quốc tế... Ngoài ra, họ có thể trở

*Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Quản trị kinh doanh CLC*

thành doanh nhân, nhà quản lý trong môi trường giao thương quốc tế sau một thời gian tích lũy kinh nghiệm từ thực tế.

Các mục tiêu cụ thể như sau:

- Về kiến thức: cung cấp cho sinh viên kiến thức rộng về hoạt động của nền kinh tế thị trường nói chung và chuyên sâu về hoạt động kinh doanh quốc tế của một công ty nói riêng.
- Về kỹ năng: trang bị cho sinh viên các kỹ năng tác nghiệp kinh doanh quốc tế để hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn được giao.
- Về thái độ: giáo dục cho sinh viên có thái độ làm việc đúng mực, có phẩm chất tốt, coi trọng đạo đức nghề nghiệp, quan tâm đến lợi ích cộng đồng, trong đó có lợi ích chính đáng của cá nhân.
- Về trình độ ngoại ngữ: nâng cao khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh của sinh viên nhằm hội nhập thị trường lao động với quốc tế và khu vực.
- Về trình độ tin học: trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng sử dụng thành thạo máy vi tính với các phần mềm thông dụng như Microsoft Office và đủ trình độ tin học có thể tiếp thu nhanh các công nghệ thông tin mới ứng dụng trong công việc chuyên môn nghiệp vụ của một chuyên viên.

## **2. Chuẩn đầu ra**

### **2.1. Kiến thức**

Chương trình này trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn về các hoạt động kinh doanh quốc tế của công ty. Học xong chương trình này, sinh viên có những kiến thức chuyên môn để xử lý và thực hiện những nghiệp vụ sau đây:

- Có kiến thức chuyên môn về quản trị doanh nghiệp đa quốc gia và kinh doanh quốc tế trên thị trường truyền thống hay trực tuyến. Qua đó, có thể thực hiện các nghiệp vụ về xây dựng chiến lược marketing quốc tế, quản lý nhân sự quốc tế, quản trị tài chính quốc tế.
- Có kiến thức chuyên môn về tổ chức và thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu, hoạt động logistics trong nước và ngoài nước (inbound và outbound logistics).
- Có kiến thức chuyên môn về lập kế hoạch và quản lý các dự án đầu tư của nước ngoài tại thị trường Việt Nam và các dự án đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam tại nước ngoài.

### **2.2. Kỹ năng**

*Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Quản trị kinh doanh CLC*

### 2.2.1. **Kỹ năng chuyên môn (Kỹ năng cứng)**

Học xong chương trình này, ngoài kiến thức như mô tả ở mục trước, sinh viên còn có đầy đủ các kỹ năng chuyên môn và thực hành nghề nghiệp.

- Về chuyên môn: Sinh viên có kỹ năng tổng hợp và phân tích thông tin, hoạch định, tổ chức, điều hành, giám sát công việc liên quan đến kinh doanh trên thị trường quốc tế.
- Về thực hành nghề nghiệp: Sinh viên có thể tham gia thiết lập phương án kinh doanh, và tổ chức thực hiện các hoạt động kinh doanh trong bối cảnh hội nhập toàn cầu; thực hiện nghiệp vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, logistics quốc tế tại các doanh nghiệp Việt Nam có giao thương với nước ngoài; thực hiện nghiệp vụ tài chính, nhân sự, marketing tại các công ty đa quốc gia, các chi nhánh / văn phòng đại diện của nước ngoài tại Việt Nam hoặc các dự án đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam tại nước ngoài.

Cụ thể sinh viên tốt nghiệp có năng lực:

- phân tích và đánh giá tình hình kinh doanh hiện tại của doanh nghiệp, phân tích thị trường quốc tế, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện chiến dịch marketing quốc tế tại các doanh nghiệp Việt Nam có giao thương quốc tế.
- thực hiện nghiệp vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, logistics quốc tế tại các doanh nghiệp Việt Nam có giao thương với nước ngoài.
- thực hiện nghiệp vụ tài chính, nhân sự, marketing tại các công ty đa quốc gia, các chi nhánh / văn phòng đại diện của nước ngoài tại Việt Nam.
- tham gia thiết lập phương án kinh doanh, theo dõi và giám sát các dự án đầu tư nước ngoài tại Việt Nam hoặc các dự án đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam.

### 2.2.2. **Kỹ năng nghề nghiệp và tương tác (Kỹ năng mềm)**

Học xong chương trình này sinh viên tốt nghiệp còn có các kỹ năng mềm hỗ trợ cho các hoạt động chuyên môn được đào tạo, bao gồm các kỹ năng dẫn dắt và chủ trì làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập, kỹ năng đàm phán và thuyết trình, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng lập kế hoạch và triển khai công việc, kỹ năng hội nhập, kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong môi trường đa văn hóa và các khả năng tin học thành thạo, khả năng tiếp thu được công nghệ thông tin mới để ứng dụng trong phạm vi yêu cầu của vị trí chức vụ được phân công.

Về xử lý tình huống và giải quyết vấn đề, sinh viên tốt nghiệp có kỹ năng phân tích, đánh giá, xử lý và giải quyết vấn đề chuyên môn hoặc vấn đề nghiệp vụ phát sinh trong công việc hàng ngày mà một chuyên viên thường gặp phải.

### **2.3. Thái độ**

Bên cạnh việc đào tạo và cung cấp kiến thức cũng như rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, chương trình đào tạo này còn chú ý đến rèn luyện thái độ và đạo đức nghề nghiệp, các ứng xử và hòa nhập tốt trong môi trường làm việc đa văn hóa. Học xong chương trình này, sinh viên có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức nghề nghiệp và trách nhiệm công dân đối với cộng đồng, có trách nhiệm, tác phong nghề nghiệp, và thái độ phục vụ đúng mực đối với khách hàng và đối tác. Ngoài ra còn có thái độ yêu mến công việc, có khả năng cập nhật kiến thức, khả năng tự học và học tập suốt đời.

### **2.4. Trình độ ngoại ngữ, tin học:**

- Ngoại ngữ: phải đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương đương).
- Tin học: tương đương trình độ A tin học.

### **2.5. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp**

Với mục tiêu đào tạo cử nhân chất lượng cao nêu trên, sinh viên theo học chương trình này sau khi tốt nghiệp có thể làm việc cho các công ty đa quốc gia, công ty cổ phần, công ty tư nhân, các văn phòng đại diện nước ngoài, các khu công nghiệp, khu chế xuất ở những vị trí làm việc sau:

- Chuyên viên làm việc ở phòng xuất nhập khẩu, giao nhận của các doanh nghiệp tư nhân, trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần trong nước.
- Chuyên viên kinh doanh, chuyên viên marketing, chuyên viên tài chính, chuyên viên nhân sự ở các công ty đa quốc gia, chi nhánh văn phòng đại diện nước ngoài.
- Tự tạo lập doanh nghiệp, hoặc tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng trong môi trường quốc tế, hội nhập toàn cầu.
- Cán bộ nghiên cứu, giảng viên về quản trị kinh doanh quốc tế tại các viện nghiên cứu, các trường đại học/cao đẳng.

### **2.6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường**

Mục tiêu của chương trình đào tạo này không chỉ có cung cấp kiến thức và kỹ năng làm việc cho sinh viên sau khi tốt nghiệp mà còn cung cấp nền tảng kiến thức để sinh viên có thể học tập lên các bậc học cao hơn hoặc tự học suốt đời để cập nhật kiến thức và nâng cao trình độ. Sau khi hoàn tất chương trình này và có thời gian làm việc để tích lũy kinh nghiệm, sinh viên có thể tiếp tục học lên cao học và tiến sĩ ở các trường đại học trong và ngoài nước. Các



chương trình cao học có thể theo học sau này bao gồm: cao học quản trị kinh doanh, cao học kinh tế, cao học tài chính-ngân hàng, và các ngành cao học khác có liên quan đến quản trị kinh doanh.

## **2.7. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà Khoa tham khảo**

Chương trình đào tạo này được thiết kế và xây dựng dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình đào tạo của các trường đại học ở ba quốc gia tiên tiến là Mỹ, Anh và Úc (xem Phụ lục), trong đó có chú ý đến hoàn cảnh và điều kiện đặc thù của Việt Nam nói chung và của trường Đại học Mở nói riêng.

### **3. Thời gian đào tạo: 4 năm**

**4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 135 tín chỉ (không tính giáo dục thể chất-QDTC & giáo dục quốc phòng-GDQP)**

### **5. Đối tượng tuyển sinh**

Công dân đã có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định tại điều 5 Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 3 năm 2012 và được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2012/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 6 năm 2012, Thông tư số 03/2013/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 02 năm 2013, Thông tư số 21/2013/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 6 năm 2013, Thông tư số 24/2013/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 7 năm 2013, Thông tư số 28/2013/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2013 và Thông tư 06/2014/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

### **6.1. Quy trình đào tạo**

Chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007, được sửa chữa, bổ sung một số điều tại Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 561/QĐ-ĐHM ngày 08 tháng 8 năm 2013 của Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh.

### **6.2. Điều kiện tốt nghiệp**

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các điều kiện được quy định tại điều 27 Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007, được sửa chữa, bổ sung một

số điều tại Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều 25 Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 561/QĐ-ĐHM ngày 08 tháng 8 năm 2013 của Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số tín chỉ môn học và khối lượng kiến thức quy định cho CTĐT mỗi khóa;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,0 trở lên;
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất.

## 7. Thang điểm

Chương trình áp dụng thang điểm 10.

## 8. Nội dung chương trình: 135 TC (không tính GDTC & GDQP)

### 8.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 58 tín chỉ (không tính GDTC & GDQP)

#### 8.1.1 Lý luận chính trị: 10 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC			Ghi chú
			TC	LT	TH	
1.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin (P.1)	POLI1201	2	2	0	
2.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin (P.2)	POLI2302	3	3	0	
3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI2201	2	2	0	
4.	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI2301	3	3	0	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>10</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	

#### 8.1.2 Khoa học xã hội: 3 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC			Ghi chú
			TC	LT	TH	
1.	Pháp luật đại cương	GLAW1201	2	2	0	
2.	Chuyên đề kỹ năng	GLAW4102	1	0	1	Đạt/ không đạt
	<b>Tổng cộng</b>		<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	

#### 8.1.3 Nhân văn-Nghệ thuật: 4 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC			Ghi chú
			TC	LT	TH	

1.	Giao tiếp trong kinh doanh	BADM1201	2	2	0	
2.	Kỹ năng học tập	EDUC1201	2	2	0	Đạt/ không đạt
	<b>Tổng cộng</b>		<b>4</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	

#### 8.1.4 Ngoại ngữ: 32 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC			Ghi chú
			TC	LT	TH	
1.	Tiếng Anh nâng cao 1	GENG0405	4	4	0	
2.	Tiếng Anh nâng cao 2	GENG0406	4	4	0	
3.	Tiếng Anh nâng cao 3	GENG0407	4	4	0	
4.	Tiếng Anh nâng cao 4	GENG0408	4	4	0	
5.	Tiếng Anh nâng cao 5	GENG0409	4	4	0	
6.	Tiếng Anh nâng cao 6	GENG0410	4	4	0	
7.	Tiếng Anh nâng cao 7	GENG0411	4	4	0	
8.	Tiếng Anh nâng cao 8	GENG0412	4	4	0	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>32</b>	<b>32</b>	<b>0</b>	

#### 8.1.5 Toán - Tin học: 9 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC			Ghi chú
			TC	LT	TH	
1.	Toán cao cấp	MATH1301	3	3	0	
2.	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	BADM2302	3	3	0	
3.	Tin học đại cương	COMP1401	3	3	0	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>9</b>	<b>9</b>	<b>0</b>	

#### 8.1.6 Giáo dục thể chất: 5 tín chỉ (không tính vào CTĐT)

#### 8.1.7 Giáo dục quốc phòng- an ninh: 7 tín chỉ (không tính vào CTĐT)

### 8.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 77 tín chỉ

#### 8.2.1 Kiến thức cơ sở: 12 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC			Ghi chú
			TC	LT	TH	
1.	Kinh tế vi mô (*)	ECON1301	3	3	0	
2.	Kinh tế vĩ mô	ECON1302	3	3	0	
3.	Marketing căn bản (*)	BADM2301	3	3	0	
4.	Quản trị học	BADM1301	3	3	0	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>12</b>	<b>12</b>	<b>0</b>	

### 8.2.2 Kiến thức ngành chính: 18 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC			Ghi chú
			TC	LT	TH	
1.	Quản trị nhân lực	BADM2303	3	3	0	
2.	Quản trị tài chính (*)	FINA4306	3	3	0	
3.	Quản trị chiến lược	BADM4301	3	3	0	
4.	Quản trị marketing	BADM2304	3	3	0	
5.	Quản trị thương hiệu	BADM3304	3	3	0	
6.	Quản trị dự án	BADM4312	3	3	0	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>18</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	

#### 8.2.2.1 Kiến thức chung của ngành chính: 6 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC			Ghi chú
			TC	LT	TH	
1.	Nguyên lý kế toán	ACCO2301	3	3	0	
2.	Nghiên cứu marketing	BADM4304	3	3	0	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>6</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	

#### 8.2.2.2 Kiến thức chuyên sâu của ngành chính: 30 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC			Ghi chú
			TC	LT	TH	
<b>Môn bắt buộc</b>						
1.	Kinh doanh quốc tế 1	BADM3308	3	3	0	
2.	Kinh doanh quốc tế 2 (*)	BADM3332	3	3	0	
3.	Quản trị nhân sự đa văn hóa (*)	BADM4321	3	3	0	
4.	Quản trị xuất nhập khẩu	BADM3334	3	3	0	
5.	Luật kinh doanh quốc tế	GLAW2301	3	3	0	
6.	Marketing quốc tế (*)	BADM3302	3	3	0	
7.	Thương mại điện tử (*)	BADM3306	3	3	0	
<i>Chọn 3 trong số các môn sau đây: (9 tín chỉ)</i>						
1.	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	BADM4320	3	3	0	
2.	Lập kế hoạch kinh doanh	BADM3324	3	3	0	
3.	Đầu tư quốc tế	BADM3330	3	3	0	
4.	Quan hệ công chúng	BADM3305	3	3	0	
5.	Vận tải và bảo hiểm	BADM3309	3	3	0	
6.	Quản trị vận hành	BADM3303	3	3	0	

7.	Quản trị chuỗi cung ứng	BADM3322	3	3	0	
8.	Quản trị tài chính quốc tế	BADM3333	3	3	0	
9.	Thanh toán quốc tế	FINA3302	3	3	0	
10.	Ngoại ngữ 2		3	3	0	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>30</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	

Ghi chú: (\*) Các môn học dự kiến tổ chức học bằng tiếng Anh. Tổng số tín chỉ theo quy định của đào tạo chất lượng cao.

### 8.2.3 Thực tập tốt nghiệp và làm khoá luận (hoặc học môn thay thế): 11 TC

- Kiến tập: 1 tín chỉ
- Thực tập tốt nghiệp: 4 tín chỉ
- Học phần tốt nghiệp: 6 tín chỉ
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc học các môn trong phần kiến thức chuyên ngành chọn

## 9. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

### HỌC KỲ 1

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Kỹ năng học tập	EDUC1201	2	2	0
2.	Toán cao cấp	MATH1301	3	3	0
3.	Pháp luật đại cương	GLAW1201	2	2	0
4.	Tin học đại cương	COMP1401	3	3	0
5.	Giáo dục thể chất 1	PEDU1201	2	0	2
<b>Cộng</b>			<b>10</b>	<b>10</b>	<b>0</b>

### HỌC KỲ 2

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Tiếng Anh nâng cao 1	GENG0405	4	4	0
2.	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	BADM2302	3	3	0
3.	Kinh tế vi mô	ECON1301	3	3	0
4.	Giao tiếp trong kinh doanh	BADM1201	2	2	0

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Quản trị kinh doanh CLC

5.	Giáo dục thể chất 2	PEDU1302	3	3	0
<b>Cộng</b>			<b>12</b>	<b>12</b>	<b>0</b>

**HỌC KỲ 3**

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Tiếng Anh nâng cao 2	GENG0406	4	4	0
2.	Kinh tế vĩ mô	ECON1302	3	3	0
3.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin P.1	POLI1201	2	2	0
4.	Giáo dục quốc phòng	DEDU1701	7	7	0
<b>Cộng</b>			<b>9</b>	<b>9</b>	<b>0</b>

**HỌC KỲ 4**

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Tiếng Anh nâng cao 3	GENG0407	4	4	0
2.	Marketing căn bản	BADM2301	3	3	0
3.	Quản trị học	BADM1301	3	3	0
4.	Quản trị nhân lực	BADM2303	3	3	0
5.	Nguyên lý kế toán	ACCO2301	3	3	0
<b>Cộng</b>			<b>12</b>	<b>12</b>	<b>0</b>

**HỌC KỲ 5**

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Tiếng Anh nâng cao 4	GENG0408	4	4	0
2.	Quản trị dự án	BADM4312	3	3	0
3.	Nghiên cứu marketing	BADM4304	3	3	0

4.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin P.2	POLI2302	3	3	0
<b>Cộng</b>			<b>13</b>	<b>13</b>	<b>0</b>

### HỌC KỲ 6

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Tiếng Anh nâng cao 5	GENG0409	4	4	0
2.	Quản trị tài chính	FINA4306	3	3	0
3.	Kinh doanh quốc tế 1	BADM3308	3	3	0
4.	Quản trị Marketing	BADM2304	3	3	0
5.	Thương mại điện tử	BADM3306	3	3	0
<b>Cộng</b>			<b>16</b>	<b>16</b>	<b>0</b>

### HỌC KỲ 7

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Tiếng Anh nâng cao 6	GENG0410	4	4	0
2.	Kinh doanh quốc tế 2	BADM3332	3	3	0
3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI2201	2	2	0
4.	Marketing quốc tế	BADM3302	3	3	0
5.	Quản trị nhân sự đa văn hóa	BADM4321	3	3	0
<b>Cộng</b>			<b>15</b>	<b>15</b>	<b>0</b>

### HỌC KỲ 8

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Tiếng Anh nâng cao 7	GENG0411	4	4	0
2.	Môn chọn 1		3	3	0
3.	Quản trị thương hiệu	BADM3304	3	3	0
4.	Quản trị chiến lược	BADM4301	3	3	0
5.	Luật kinh doanh quốc tế	GLAW2301	3	3	0

6.	Kiến tập	GLAW4101	1	0	1
<b>Cộng</b>			<b>17</b>	<b>16</b>	<b>1</b>

### HỌC KỲ 9

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Tiếng Anh nâng cao 8	GENG0412	4	4	0
2.	Quản trị xuất nhập khẩu	BADM3334	3	3	0
3.	Môn chọn 2		3	3	0
4.	Môn chọn 3		3	3	0
5.	Đường lối CM của Đảng CSVN	POLI2301	3	3	0
6.	Chuyên đề kỹ năng	GLAW4102	1	0	1
<b>Cộng</b>			<b>17</b>	<b>16</b>	<b>1</b>

### HỌC KỲ 10

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Thực tập tốt nghiệp	BADM4499	4	0	4
<b>Cộng</b>			<b>4</b>	<b>0</b>	<b>4</b>

### HỌC KỲ 11

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Khóa luận TN/ học 2 môn thay thế	BADM4699	6	6	0
<b>Cộng</b>			<b>6</b>	<b>6</b>	<b>0</b>

#### 10. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Căn cứ lộ trình các môn học và Quy chế tổ chức, quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ, sinh viên đăng ký môn học theo từng học kỳ (Quy trình đăng ký môn học) dưới sự hướng dẫn của Cố vấn học tập.
- Các môn GDTC, GDQP và các môn học chung toàn trường được tổ chức học theo kế hoạch chung của Phòng Quản lý đào tạo.
- Môn học được tiến hành theo Đề cương môn học đã được phê duyệt và phải được cung cấp cho sinh viên trước khi giảng dạy.
- Điều kiện được nhận khóa luận tốt nghiệp:

*Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Quản trị kinh doanh CLC*



- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình
- Điểm trung bình tích lũy: Từ 7,5 trở lên
- Điểm thực tập tốt nghiệp: Từ 8,0 trở lên và phải được sự đồng ý của giáo viên hướng dẫn.

### **11. Đề cương chi tiết môn học**

Toàn bộ đề cương chi tiết các môn học trong chương trình đào tạo được trình bày trong Phụ lục số 1 đính kèm.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Phúc**

